

10 ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 MÔN NGỮ VĂN 10 NĂM HỌC 2020-2021 CÓ HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

1. Đề thi giữa HK1 Môn Ngữ Văn 10 số 1

TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRÃI

ĐỀ THI GIỮA HK1
NĂM HỌC: 2020 – 2021
MÔN: NGỮ VĂN 10
Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Câu 1: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

*“Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân.
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc,
Em đã có chồng anh tiếc lắm thay.
Ba đồng một mớ trâu cày,
Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không.
Bây giờ em đã có chồng,
Như chim vào lồng như cá cắn câu.
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ,
Chim vào lồng biết thuở nào ra?”*

(Ca dao)

- (0.5 điểm): Xác định phong cách ngôn ngữ và thể thơ của văn bản.
- (0.5 điểm): Văn bản trên sử dụng các phương thức biểu đạt nào?
- (0.5 điểm): Nêu nội dung chính của văn bản.
- (1.0 điểm): Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong 2 câu: “Bây giờ em đã có chồng, Như chim vào lồng như cá cắn câu”?
- (0.5 điểm): Viết đoạn văn từ 5 đến 7 dòng thể hiện cảm nhận của anh/chị về nỗi niềm của nhân vật “em” trong 4 câu cuối của văn bản.

Câu 2: (1.0 điểm): Trong truyện “An Dương Vương và Mị Châu Trọng Thủy” (SGK lớp 10 tập 1) có chi tiết Rùa vàng hiện lên rẽ nước đưa An Dương Vương xuống biển. Anh/chị hãy cho biết ý nghĩa của chi tiết đó.

II. LÀM VĂN (6.0 điểm)

Đề: Bằng hình thức nhập vai hóa thân vào nhân vật, anh/chị hãy kể lại quá trình đấu tranh của Tấm với mẹ con Cám sau khi được trở thành Hoàng Hậu.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 1

MÔN: NGỮ VĂN 10

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1:

- Phong cách ngôn ngữ: Nghệ thuật. Thể thơ lục bát.
- Phương thức biểu đạt: tự sự, biểu cảm, miêu tả.
- Lời than vãn của chàng trai về việc cô gái đã đi lấy chồng. Lời trách móc của cô gái vì chàng trai quá chậm trễ trong việc bày tỏ tình cảm với cô.
- Biện pháp nghệ thuật:
 - Biện pháp tu từ So sánh (như chim, như cá).
 - Tác dụng: nhấn mạnh vào tình cảnh bị ràng buộc bởi hôn nhân của cô gái. Gợi hình ảnh gò bó, tù túng (chim lồng, cá chậu). Gợi cảm xúc buồn bã, tiếc nuối của cô gái.
 - Biện pháp tu từ ẩn dụ (chim vào lồng, cá cắn câu).
 - Tác dụng: nhấn mạnh vào tình cảnh bị ràng buộc bởi hôn nhân của cô gái. Gợi hình ảnh gò bó, tù túng (chim lồng, cá chậu). Gợi cảm xúc buồn bã, tiếc nuối của cô gái.
- Bày tỏ tình cảm buồn bã, xót xa, tiếc nuối...

Câu 2: Ý nghĩa của yếu tố thần kì:

- Giúp câu chuyện trở nên hấp dẫn, lôi cuốn.
- Phản ánh thái độ của nhân dân với nhân vật lịch sử: kính trọng, biết ơn vị vua An Dương Vương nên nhân dân đã bất tử hóa.

II. LÀM VĂN

- Yêu cầu về kĩ năng:

- + Biết vận dụng kĩ năng viết văn tự sự, kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm trong văn tự sự.
- + Đảm bảo một văn bản tự sự hoàn chỉnh có kết cấu chặt chẽ, bố cục 3 phần.
- + Ngôn ngữ chọc lọc, trong sáng, diễn đạt lưu loát, các ý rõ ràng; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.
- + Bài viết được trình bày rõ ràng, cẩn thận.

- **Yêu cầu về kiến thức:** Đề bài yêu cầu nhập vai nhân vật kể lại cuộc đời mình nên bài viết cần bám sát những sự việc, chi tiết tiêu biểu của văn bản. Đồng thời cần tái hiện nội dung câu chuyện từ góc nhìn của vai người kể chuyện và đan xen các yếu tố miêu tả, biểu cảm để câu chuyện sinh động. Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần thể hiện được các ý cơ bản:

- + Mở bài: Giới thiệu câu chuyện, nhân vật kể chuyện.
- + Thân bài: Các sự việc chính:
 - Tắm bị mẹ con Cám hại chết khi về giỗ bố.
 - Tắm hóa thành chim vàng anh bay về cung, báo hiệu sự hiện diện của mình. Mẹ con Cám giết chim Vàng Anh.

- Tấm hóa thành cây xoan che bóng mát cho vua. Mẹ con Cám chặt cây xoan làm khung cửa.
- Tấm hóa mình vào khung cửa, cảnh cáo Cám. Mẹ con Cám đốt khung cửa.
- Tấm hóa thành quả thị, được một bà lão yêu thích mang về nhà và trở lại thành người chung sống hạnh phúc bên bà lão.
- Tấm gặp lại vua và được đón về cung.
- Tấm trừng trị Cám.

+ Kết bài: Bài học từ câu chuyện đấu tranh của Tấm: chủ động, mạnh mẽ, kiên trì, cương quyết,...

2. Đề thi giữa HK1 Môn Ngữ Văn 10 số 2

TRƯỜNG THPT HỒNG QUANG

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 10

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC – HIỂU (5.0 điểm): Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Tôi luôn ngưỡng mộ những học sinh không chỉ học xuất sắc mà còn dành được nhiều thời gian tham gia vào các hoạt động ngoại khóa. Họ thường nắm giữ những vị trí quan trọng ở các câu lạc bộ trong trường và ngoài xã hội. Họ đạt điểm cao trong học tập, đi thi đấu thể thao cho trường, giữ chức chủ nhiệm trong các câu lạc bộ, và trên hết, họ là những thành viên tích cực trong Đoàn, Đội. Tôi luôn tự hỏi “làm thế nào mà họ có nhiều thời gian đến thế?”. Mặt khác, những học sinh kém đưa ra lí do họ nhận kết quả thi không tốt là do họ không có thời gian để ôn bài. Tuy nhiên, thực tế, những học sinh này lại thường không tích cực trong các hoạt động tập thể và ngoại khóa như những học sinh giỏi. Tại sao lại như vậy? Tất cả mọi người đều có 24 giờ một ngày. Thời gian là thứ tài sản mà ai cũng được chia đều. Cho dù bạn là một học sinh giỏi, một học sinh kém, tổng thống hay một người gác cổng, bạn cũng chỉ có cùng một lượng thời gian như nhau. Thời gian là thứ duy nhất mà chúng ta không thể mua được. Tuy nhiên, tại sao một người như tổng thống Mỹ lại có thời gian quản lí cả một quốc gia rộng lớn trong khi đó người gác cổng lại than phiền rằng ông ta không có thời gian để học? Sự khác biệt là do những người thành công trong cuộc sống biết cách quản lí thời gian. Chúng ta không thể thay đổi được thời gian nhưng có thể kiểm soát được cách chúng ta sử dụng nó. Nếu bạn làm chủ được thời gian, bạn sẽ làm chủ được cuộc sống.

(Tôi tài giỏi, bạn cũng thế, Adam Khoo, NXB Phụ nữ, 2013)

- (0.5 điểm): Nội dung chính của văn bản là gì?
- (0.5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản.
- (1.0 điểm): Vì sao tác giả cho rằng: Thời gian là thứ duy nhất không thể mua được?
- (1.0 điểm): Hãy đề xuất hai giải pháp giúp mỗi người quản lí thời gian một cách hiệu quả.
- (2.0 điểm): Viết đoạn văn (từ 12 đến 15 dòng) với câu chủ đề: Lãng phí thời gian là lãng phí cuộc đời.

II. LÀM VĂN (5.0 điểm)

Ở một bãi biển (tỉnh Thanh Hóa), người ta tìm thấy một phiến đá hình người cụt đầu. Nhân dân cho rằng đó là ngọc thạch do xác Mị Châu hóa thành nên đã “rước nàng” về đặt trong am thờ Mị Châu ở khu di tích Cổ Loa (Hà Nội ngày nay). Liên quan đến câu chuyện này, nhà thơ Trần Đăng Khoa viết:

*...Người dân nào xưa đưa em về đây
Như muốn nhắc một điều gì...*

(Trước đá Mị Châu, Trần Đăng Khoa)

Theo anh/chị, qua kết cục bi thảm của Mị Châu trong truyền thuyết Truyện An Dương Vương và Mị Châu, Trọng Thủy, tác giả dân gian muốn nhắc một điều gì với hậu thế?

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 2

MÔN: NGỮ VĂN 10

I. ĐỌC – HIỂU

Câu 1:

- Khi bạn làm chủ được thời gian, bạn sẽ làm chủ được cuộc sống.
- Phương thức biểu đạt chính: nghị luận.
- Thời gian là thứ tài sản mà tạo hóa đã chia đều cho mỗi người. Không có thứ gì có thể khiến thời gian thay đổi. Một ngày không thể dài hơn 24 tiếng, một năm không thể nhiều hơn 365 ngày...
- Dự kiến một số tình huống trả lời:
 - Xác định rõ mục tiêu cuộc sống (ngắn hạn và dài hạn).
 - Lập kế hoạch cá nhân (thời gian biểu ngày, tuần, tháng...).
 - Hình thành thói quen ghi chép công việc cần làm theo thứ tự ưu tiên...
- Gợi ý:
 - Yêu cầu về kỹ năng:
 - Biết cách viết đoạn văn; đoạn văn phải trích dẫn nguyên văn câu chủ đề; diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi diễn đạt, lỗi chính tả.
 - Đảm bảo dung lượng như yêu cầu đề.
 - Yêu cầu về kiến thức:
 - Giải thích: Câu nói nêu lên hậu quả của việc lãng phí thời gian.
 - Bàn luận:
 - Nếu biết tận dụng thời gian, con người sẽ tạo ra nhiều giá trị quan trọng, từ vật chất đến tinh thần, phục vụ cho cuộc sống của mình và cho xã hội.
 - Nếu lãng phí thời gian, nghĩa là ta đang lãng phí tất cả các giá trị vật chất lẫn tinh thần: tiền bạc, sức khỏe, thành công, hạnh phúc...
 - Hơn nữa, cuộc đời hữu hạn nên mỗi giây phút trôi qua là ta đang mất đi một phần đời của chính mình.
- Bài học: Cần biết quý trọng thời gian và sử dụng thời gian một cách hiệu quả.

II. LÀM VĂN

- Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.
- Xác định đúng vấn đề nghị luận: Bài học nhân dân gửi gắm qua kết cục bi thảm của Mị Châu trong truyền thuyết Truyện An Dương Vương và Mị Châu, Trọng Thủy.
- Triển khai vấn đề cần nghị luận thành các luận điểm, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.
- Giới thiệu ý thơ, tác phẩm, nhân vật Mị Châu và kết cục của nhân vật.
- Bàn luận:
 - + Mị Châu đã phải nhận một kết cục bi thảm.
 - + Đất nước rơi vào tay giặc.
 - + Tình yêu trở thành mối nhục thù.
 - + Bản thân bị coi là giặc, phải chịu tội chết.
- Qua kết cục bi thảm ấy, tác giả dân gian nhắn gửi hậu thế nhiều điều:
 - + Bài học cảnh giác giữ nước.
 - + Bài học về việc xử lí mối quan hệ riêng – chung.
 - + Bài học về sự tỉnh táo, lí trí trong tình yêu.
- Đánh giá: Những bài học được rút ra qua sai lầm của Mị Châu có ý nghĩa cho muôn đời.
- Sáng tạo:
 - + Có cách diễn đạt sáng tạo.
 - + Có suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ.
- Chính tả, dùng từ, đặt câu.

3. Đề thi giữa HK1 Môn Ngữ Văn 10 số 3

TRƯỜNG THPT NGUYỄN DU

ĐỀ THI GIỮA HK1
NĂM HỌC: 2020 – 2021
MÔN: NGỮ VĂN 10

Thời gian làm bài: 90 phút

Câu 1. (3.0 điểm): Đọc đoạn trích và trả lời các câu hỏi dưới đây:

“Trước đây thời thế suy vi, Trung châu gặp nhiều biến cố, kẻ sĩ phải ở ẩn trong ngòi khe, trốn tránh việc đời, những bậc tinh anh trong triều đường phải kiêng dè không dám lên tiếng. Cũng có kẻ gõ mõ canh cửa, cũng có kẻ ra biển vào sông, chết đuối trên cạn mà không biết, dường như muốn lẫn tránh suốt đời. Nay trẫm đang ghé chiếu lắng nghe, ngày đêm mong mỏi, nhưng những người học rộng tài cao chưa thấy có ai tìm đến. Hay trẫm ít đức không đáng để phò tá chăng? Hay đang thời đồ nát chưa thể ra phụng sự vương hầu chăng?”

(Trích Chiếu cầu hiền - Ngô Thì Nhậm)

a. (1.0 điểm): Nội dung chính của đoạn văn trên?

b. (1.0 điểm): Những từ ngữ in đậm trong đoạn văn trên có tên gọi chung là gì? Nó thể hiện đặc điểm nào về mặt nghệ thuật của văn học trung đại?

c. (1.0 điểm): Tư thế “Ghé chiếu” của vua Quang Trung có hiệu quả thuyết phục như thế nào với sĩ phu Bắc Hà?

Câu 2. (7.0 điểm): Phân tích bài thơ Tự tình II của Hồ Xuân Hương. Qua số phận người phụ nữ trong xã hội xưa, anh (chị) có suy nghĩ gì về cuộc sống của người phụ nữ trong xã hội ngày nay?

“*Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn,
Trơ cái hồng nhan với nước non.
Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,
Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.
Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,
Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.
Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,
Mảnh tình san sẻ tí con con!*”

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 3 MÔN: NGỮ VĂN 10

Câu 1:

a. Nội dung của đoạn văn trên là:

- Cách ứng xử của hiền tài Bắc Hà khi Quang Trung ra Bắc phủ Lê diệt Trịnh là vẫn còn e dè, nghi ngại, giữ mình là chính, thậm chí ẩn dật uổng phí tài năng.

- Thái độ khiêm tốn, sẵn sàng chờ đợi và trọng dụng người tài của người xuống chiếu.

b. Phần in đậm là những điển tích điển cố, thể hiện đặc điểm của văn học trung đại là lối tư duy theo kiểu mẫu đã có sẵn, hướng về cái đẹp trong quá khứ, ưa sử dụng những điển tích điển cố, những thi liệu Hán học.

c. Tư thế “ghé chiếu” là một điển tích vừa cho thấy thái độ khiêm tốn sẵn sàng chờ đợi và trọng dụng hiền tài của Quang Trung vừa thể hiện vốn hiểu biết uyên thâm, tài văn chương của tác giả. Người nghe vì thế thêm nể trọng vì những điều đã được viết ra.

Câu 2:

- Yêu cầu về kỹ năng:

+ Làm đúng kiểu bài phân tích, cảm thụ thơ trữ tình.

+ Khi viết bài, người viết có thể vận dụng nhiều thao tác nghị luận như phân tích, giải thích, chứng minh, nêu cảm nghĩ...

- Yêu cầu về kiến thức:

+ Giới thiệu khái quát về tác giả Hồ Xuân Hương, tác phẩm “Tự tình II”.

+ Cảm nhận về nội dung và nghệ thuật của bài thơ:

- Hai câu đề: Tình cảnh cô đơn của người phụ nữ trong đêm khuya thanh vắng xót xa thấm thía cho sự rẻ rúng, bề bồng duyên phận.

- Hai câu thực: Tìm đến rượu để quên đời, nhưng không quên được; tìm đến vàng trắng để mong tìm tri âm, chia sẻ nhưng chỉ thấy đêm tàn, trăng khuyết, tuổi xuân trôi qua mà tình duyên không trọn vẹn.
 - Hai câu luận: Tả cảnh thiên nhiên kỳ lạ phi thường, đầy sức sống: Muốn phá phách, tung hoành => Cá tính Hồ Xuân Hương: Mạnh mẽ, quyết liệt, tìm mọi cách vượt lên số phận. Phép đảo ngữ và nghệ thuật đối: Sự phản uất, phản kháng của tâm trạng nhân vật trữ tình.
 - Hai câu kết: Tâm trạng chán chường, buồn tủi mà cháy bỏng khát vọng hạnh phúc cũng là nỗi lòng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa.
 - Nghệ thuật: Sử dụng từ ngữ độc đáo, sắc nhọn; tả cảnh sinh động; đưa ngôn ngữ đời thường vào thơ.
- + Suy nghĩ của bản thân về cuộc sống của người phụ nữ trong xã hội ngày nay:
- Quan niệm về người phụ nữ trong xã hội xưa: Phần lớn phụ nữ Việt Nam thời xưa không được coi trọng, không có được những địa vị xứng đáng trong gia đình, xã hội, phải chịu nhiều sự áp đặt, bất công, tư tưởng trọng nam khinh nữ.
 - Quan niệm về người phụ nữ trong xã hội ngày nay: Vẫn có trách nhiệm tề gia nội trợ, vẫn giữ được nét dịu dàng, khiêm nhường của người phụ nữ truyền thống. Là những công dân bình đẳng trong cộng đồng xã hội. Không còn phải cam chịu số phận, không còn phải phụ thuộc hoàn toàn vào người đàn ông như phụ nữ xưa. Họ có quyền được học hành, làm việc, cống hiến cho sự phát triển của xã hội.
- + Khái quát lại nội dung, nghệ thuật của bài thơ.

4. Đề thi giữa HK1 Môn Ngữ Văn 10 số 4

TRƯỜNG THPT NAM SÁCH

ĐỀ THI GIỮA HK1
NĂM HỌC: 2020 – 2021
MÔN: NGỮ VĂN 10
Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC – HIỂU (3.0 điểm): Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi từ 1 đến 6:

"Lão gọi nó là cậu Vàng như một bà hiếm hoi gọi đứa con cầu tự. Thành thạo không có việc gì làm, lão lại bắt rận cho nó hay đem nó ra ao tắm. Lão cho nó ăn cơm trong một cái bát như một nhà giàu. Lão ăn gì lão cũng chia cho nó ăn cùng. Những buổi tối khi lão uống rượu, thì nó ngồi dưới chân lão. Lão cứ nhắm vài miếng lại gấp cho nó một miếng như người ta gấp thức ăn cho trẻ."

Câu 1. (0.5 điểm): Đoạn văn bản trên trích trong tác phẩm nào? Của nhà văn nào?

Câu 2. (0.5 điểm): Nó trong đoạn trích là người hay con vật?

Câu 3. (0.5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt của đoạn trích.

Câu 4. (0.5 điểm): Đoạn trích đã sử dụng biện pháp tu từ nào? Mấy lần?

Câu 5. (0.5 điểm): Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Câu 6. (0.5 điểm): Nêu cảm nhận của em về tình cảm của ông lão đối với nhân vật "nó" trong đoạn văn bản (khoảng 3 câu).

II. LÀM VĂN (7.0 điểm): Vẽ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi trong bài thơ Cảnh ngày hè.

*“Rồi hóng mát thuở ngày trường,
Hòe lục đùn đùn tán rợp giương.
Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ,
Hồng liên trì đã tiễn mùi hương.
Lao xao chợ cá làng ngư phủ,
Dắng dỏi cầm ve lầu tịch dương.
Dễ có Ngưu cầm đàn một tiếng,
Dân giàu đủ khắp đòi phương.”*

(Theo Hợp tuyển thơ văn Việt Nam, tập II – Văn học thế kỉ X – thế kỉ XVII, Sdd)

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 4

MÔN: NGỮ VĂN 10

I. ĐỌC – HIỂU

Câu 1: Tác phẩm Lão Hạc của Nam Cao.

Câu 2: Nhân vật "nó" trong đoạn văn bản là con chó.

Câu 3: Phương thức biểu đạt của đoạn văn bản là tự sự.

Câu 4: Biện pháp tu từ so sánh, 3 lần.

Câu 5: Tác dụng: Làm nổi bật tình cảm yêu thương, quý mến của lão Hạc đối với con chó.

Câu 6: Học sinh có thể có nhiều cảm nhận khác nhau song cơ bản phải nêu được những nét sau: Đó là tình cảm của người cha dành cho đứa con đi xa của lão Hạc. Lão coi cậu Vàng chính là đứa con của mình và đối xử với nó không khác gì một con người, một người bạn để hàn huyên tâm sự.

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

- **Yêu cầu chung:** Học sinh biết kết hợp kiến thức, kĩ năng về dạng bài nghị luận văn học để tạo lập văn bản. Bài viết có bố cục đầy đủ rõ ràng; văn viết có cảm xúc; thể hiện khả năng cảm thụ văn học tốt; diễn đạt trôi chảy, bảo đảm tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.

- **Yêu cầu cụ thể:**

+ Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận.

+ Xác định đúng vấn đề cần nghị luận.

+ Chia vấn đề nghị luận thành các luận điểm phù hợp; các luận điểm được triển khai theo trình tự hợp lí, có sự liên kết chặt chẽ; sử dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai các luận điểm (trong đó phải có các thao tác phân tích, so sánh, bình luận); biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và dẫn chứng.

+ Có thể trình bày theo định hướng sau:

- Giới thiệu tác giả Nguyễn Trãi và bài thơ Cảnh ngày hè.
- Nêu cảm nhận chung về bài thơ. Sau đó triển khai làm rõ các ý chính về vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi: Yêu thiên nhiên: Bức tranh thiên nhiên sinh động và đầy sức sống,

sự giao cảm mạnh mẽ nhưng tinh tế của nhà thơ đối với cảnh vật. Nguyễn Trãi yêu thiên nhiên, có sự đồng cảm với thiên nhiên mạnh mẽ nhưng tinh tế, sâu sắc; Yêu đời, yêu cuộc sống: Thiên nhiên qua cảm xúc của thi sĩ trở nên sống động, đáng yêu và đầy sức sống. Cảnh vật thanh bình, yên vui bởi sự thanh thản đang xâm chiếm tâm hồn nhà thơ. Âm thanh “lao xao chợ cá” dội về từ phía làng chài hay chính tác giả đang rộn rã niềm vui trước cảnh “dân giàu đủ”. Tấm lòng ưu ái với dân, với nước: Yêu thiên nhiên, nhưng trên hết vẫn là tấm lòng của ông thiết tha với con người, với dân, với nước. Câu kết bài thơ thể hiện sự dồn nén cảm xúc của cả bài. Điểm kết tụ hồn thơ Nguyễn Trãi không phải ở thiên nhiên, tạo vật mà chính là ở con người, ở người dân. Ông mong dân được ấm no, hạnh phúc, nhưng đó phải là hạnh phúc cho tất cả mọi người, mọi nơi: “khắp đời phương”.

5. Đề thi giữa HK1 Môn Ngữ Văn 10 số 5

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 10

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm): Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Yêu Tổ quốc từ những giọt mồ hôi tảo tần. Mồ hôi rơi trên những cánh đồng cho lúa thêm hạt. Mồ hôi rơi trên những công trường cho những ngôi nhà thành hình, thành khối. Mồ hôi rơi trên những con đường nơi rẻo cao Tổ quốc của những thầy cô trong mùa nắng để nuôi ước mơ cho các em thơ. Mồ hôi rơi trên thao trường đầy nắng gió của những người lính để giữ mãi yên bình và màu xanh cho Tổ quốc.

(Nguồn <http://vietbao.vn> ngày 9-5-2014)

- (0.5 điểm):** Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ nào?
- (1.0 điểm):** Biện pháp tu từ nào được sử dụng chủ yếu trong văn bản trên? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.
- (1.0 điểm):** Những từ ngữ: cánh đồng, công trường gợi nhớ đến đối tượng nào trong cuộc sống.
- (0.5 điểm):** Đặt nhan đề cho văn bản trên.

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Truyện thuyết An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy là một trong những câu chuyện có sức hấp dẫn được lưu truyền trong dân gian về buổi đầu của lịch sử dân tộc – một câu chuyện vừa mang nét hiện thực vừa mang nét huyền thoại thời Âu Lạc. Hãy hóa thân thành An Dương Vương kể lại Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy (có thể thay đổi một số tình tiết ở đoạn cuối câu chuyện).

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 5

MÔN: NGỮ VĂN 10

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1: Phong cách ngôn ngữ báo chí.

Câu 2:

- Biện pháp tu từ được sử dụng nhiều nhất trong văn bản trên là phép điệp cấu trúc câu (mồ hôi rơi).

- Tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó là nhấn mạnh tình yêu Tổ quốc từ những giọt mồ hôi của con người.

Câu 3: Những từ ngữ: cánh đồng, công trường gợi nhớ đến những người nông dân, công nhân trong cuộc sống.

Câu 4: Nhan đề của văn bản: Yêu Tổ quốc, hoặc Tổ quốc của tôi.

II. LÀM VĂN

- Yêu cầu về kĩ năng:

+ Học sinh vận dụng kĩ năng kể chuyện sáng tạo. Người kể phải xưng ngôi thứ nhất (tôi), khác với văn bản trong SGK, câu chuyện được kể bằng ngôi thứ ba.

+ Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt trôi chảy; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- Yêu cầu về kiến thức:

+ Chọn lọc được những chi tiết và sự việc tiêu biểu của truyện.

+ Có thể thay đổi một vài tình tiết nhưng phải đảm bảo tôn trọng cốt lõi lịch sử và không làm mất đi bài học giáo dục của truyện.

+ Biết kết hợp yếu tố biểu cảm để lời kể thêm sinh động và hấp dẫn.

6. Đề thi giữa HK1 Môn Ngữ Văn 10 số 6

TRƯỜNG THPT THÁI PHIÊN

ĐỀ THI GIỮA HK1
NĂM HỌC: 2020 – 2021
MÔN: NGỮ VĂN 10

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm):

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4:

(1) *Quê hương tôi có cây bầu cây nhĩ*

Tiếng “đàn kêu tích tịch tình tang...”

Có cô Tấm nấu mình trong quả thị,

Có người em may túi đống ba gang.

(2) *Quê hương tôi có bà Trưng, bà Triệu*

Cưỡi đầu voi, dấy nghĩa trả thù chung.

Ông Lê Lợi đã trường kỳ kháng chiến,

Hưng Đạo Vương đã mở hội Diên Hồng.

(3) *Quê hương tôi có hát xòe, hát đúm,*

Có hội xuân liên tiếp những đêm chèo.

Có Nguyễn Trãi, có “Bình Ngô đại cáo”.

Có Nguyễn Du và có một “Truyện Kiều”.

(Trích Bài thơ quê hương - Nguyễn Bình)

Câu 1. (0.5 điểm): Xác định các phương thức biểu đạt của đoạn thơ trên là gì?

Câu 2. (0.5 điểm): Hãy chỉ ra: ba truyện cổ tích được gợi nhớ trong khổ (1) và những sự kiện lịch sử được gợi nhớ trong khổ (2).

Câu 3. (0.5 điểm): Xác định và nêu hiệu quả của hai trong số các biện pháp nghệ thuật của đoạn thơ.

Câu 4. (0.5 điểm): Anh (chị) có nhận xét gì về tình cảm của tác giả đối với những di sản tinh thần của dân tộc thể hiện qua khổ (3).

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 5 đến câu 8:

... (1) Vậy tìm hứng thú học văn ở đâu?

Trước hết, cần tìm ngay ở môn Ngữ văn, một môn học rất hay. Văn chính là môn học chứa đựng và truyền tải đi những thông điệp của tình cảm, cảm xúc đẹp ở con người. Học văn sẽ giúp các em hiểu hơn về những điều đáng quý, đáng yêu trong cuộc sống, biết yêu những con người bình dị xung quanh.

(2) Môn Văn ở bất cứ nước nào cũng được coi là môn học làm người. Tôi nhớ khi còn đi học, vào ngày tựu trường, mẹ tôi cũng dắt tay tôi đến trường, lúc đó tôi không biết gọi cảm xúc lòng mình đang có là gì, chỉ đến khi cô giáo của tôi đọc một đoạn trong bài “Tôi đi học” của Thanh Tịnh, tôi mới hiểu được cái hơi thu se lạnh, cái siết tay nắm chặt của mẹ và cảm giác vừa hân hoan vừa lo sợ của tôi,... Nếu không có áng văn đó chắc phải lâu lắm tôi mới hiểu được những tình cảm và cảm xúc tốt đẹp ngày thơ khi còn nhỏ dại.

(3) Cùng những tình cảm đẹp mà các em học được từ những áng văn hay, kết hợp với suy nghĩ trong sáng, học Văn sẽ kích thích trí tưởng tượng của các em, khiến các em biết ước mơ, biết hi vọng. Có ước mơ các em sẽ lớn lên và trưởng thành. Chính sự lớn lên và trưởng thành đó sẽ tặng các em hứng thú học Văn.

(Trích Tìm hứng thú học Văn, Phong Thu, Tạp chí Văn học và tuổi trẻ, Số 2, Nxb GD, 2015)

Câu 5. (0.5 điểm): Hãy ghi lại câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích trên.

Câu 6. (0.5 điểm): Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn.

Câu 7. (0.5 điểm): Học văn sẽ giúp các em hiểu hơn về những điều đáng quý, đáng yêu trong cuộc sống, biết yêu những con người bình dị xung quanh, [...] học Văn sẽ kích thích trí tưởng tượng của các em, khiến các em biết ước mơ, biết hi vọng. Có ước mơ các em sẽ lớn lên và trưởng thành. Anh (chị) hãy cho biết quan điểm trên của tác giả là nhằm khẳng định điều gì?

Câu 8. (0.5 điểm): Khi có hứng thú học Văn, anh (chị) sẽ rút ra được điều bổ ích nào cho bản thân? (Trả lời trong khoảng 5 – 7 dòng).

II. LÀM VĂN (6.0 điểm)

Về hình ảnh ngọc trai – giếng nước trong Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy, có ý kiến cho rằng: Đó là biểu tượng của tình yêu chung thủy giữa Mị Châu và Trọng Thủy. Ý kiến khác lại nhấn mạnh: Đó là sự hóa giải một nỗi oan tình. Từ việc cảm nhận về hình ảnh ngọc trai – giếng nước, anh (chị) hãy bình luận các ý kiến trên.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 6

MÔN: NGỮ VĂN 10

I. ĐỌC HIỂU

Câu 1: Các phương thức biểu đạt của đoạn thơ: phương thức tự sự, miêu tả, biểu cảm.

Câu 2:

- Ba truyện cổ tích được gọi nhớ trong khổ (1): Thạch Sanh, Tấm Cám, Cây khế.

- Những sự kiện lịch sử được gọi nhớ trong khổ (2): Khởi nghĩa Hai Bà Trưng; Khởi nghĩa Bà Triệu; Khởi nghĩa Lam Sơn; Hội nghị Diên Hồng.

Câu 3: Chỉ ra được hai biện pháp nghệ thuật (điệp ngữ, liệt kê,...) và nêu được tác dụng của chúng (tình cảm của tác giả đối với những di sản tinh thần của dân tộc).

Câu 4: Tình cảm của tác giả với những di sản tinh thần của dân tộc: yêu mến, trân trọng, thể hiện qua cách khẳng định bằng điệp ngữ “quê hương tôi”, qua giọng điệu say sưa, tự hào.

Câu 5: Câu văn nêu khái quát chủ đề của đoạn trích: Vậy tìm hứng thú học văn ở đâu?

Câu 6: Phương thức biểu đạt chính của đoạn: phương thức tự sự.

Câu 7: Học văn sẽ giúp các em hiểu hơn về những điều đáng quý, đáng yêu trong cuộc sống, biết yêu những con người bình dị xung quanh, [...] học Văn sẽ kích thích trí tưởng tượng của các em, khiến các em biết ước mơ, biết hi vọng. Có ước mơ các em sẽ lớn lên và trưởng thành. Tác giả muốn khẳng định: tầm quan trọng, tác động của việc học văn đối với tình cảm, nhận thức con người; đồng thời đó cũng là động lực để tạo nên niềm hứng thú học văn.

Câu 8: Câu trả lời phải chặt chẽ, thuyết phục, thể hiện nhận thức tích cực của người học.

II. LÀM VĂN

- **Mở bài:**

+Giới thiệu về thể loại truyện thuyết.

+Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy.

+ Trích dẫn ý kiến đánh giá về hình ảnh ngọc trai – giếng nước.

- **Thân bài:**

+ Giải thích:

- Ý kiến thứ nhất: Thủy là khởi nguồn, bắt đầu; Chung là cuối, kết thúc. Người ta dùng khái niệm tình yêu chung thủy để chỉ sự không thay đổi, trước sau vậy và đặc biệt dùng để miêu tả tính chất đẹp đẽ của mối quan hệ, sự gắn kết vợ chồng. Ý kiến ca ngợi mối tình chung thủy giữa Mị Châu và Trọng Thủy.
- Ý kiến thứ hai: oan là bị hiểu lầm, bị nhìn sai, bị đánh giá không đúng, bị phê phán bất công, bị nhận định thiên lệch... và cuối cùng mang chịu kết luận, phán quyết không hợp với công lý và nhân bản. Ý kiến nhấn mạnh đến sự hóa giải nỗi oan tình giữa Mị Châu và Trọng Thủy.

+ Cảm nhận về hình ảnh ngọc trai – giếng nước:

- Vị trí: hình ảnh ngọc trai – giếng nước là hình ảnh khép lại truyền thuyết Truyện An Dương Vương và Mị Châu – Trọng Thủy.

- Cơ sở sự xuất hiện hình ảnh “ngọc trai – giếng nước”: Hình ảnh ngọc trai xuất hiện bởi lời khấn nguyện của Mị Châu trước khi chết: Nàng mong được người đời minh oan cho tấm lòng yêu nước nhưng nhẹ dạ, ngây thơ của mình. Giếng nước vốn có ở Loa Thành từ trước. Sau khi Mị Châu chết, Trọng Thủy thương tiếc khôn cùng, khi đi tắm tưởng như thấy bóng dáng Mị Châu, bèn lao đầu xuống giếng mà chết. Ngọc trai – giếng nước trở thành cặp hình ảnh sóng đôi trong truyện: Người đời sau mò được ngọc ở biển Đông, lấy nước giếng này mà rửa thì thấy trong sáng thêm.

+ Ý nghĩa của hình ảnh “ngọc trai – giếng nước”:

- Ngọc trai là sự hóa thân của Mị Châu, như một sự chứng nhận rằng Mị Châu không chủ ý dối cha và bán nước. Nàng vì ngây thơ, nhẹ dạ nên đã vô tình nói giáo cho giặc, đẩy trăm họ vào cảnh lầm than. Trước khi chết, Mị Châu đã kịp nhận ra mình bị lừa dối và kẻ đó chính là chồng mình người mà nàng tin tưởng nhất. Nàng cũng đã ý thức được tội lỗi nặng nề của mình. Nàng không xin tha chết, chỉ xin được hoá thân để rửa sạch mối nhục thù. Sự nhẹ dạ đó của Mị Châu phải trả giá không chỉ bằng sinh mạng nàng mà bằng cả máu của cả dân tộc. Vì thế, nếu có kiếp sau, Mị Châu chắc không thể tiếp tục mù quáng chung tình với một tên lừa dối như Trọng Thủy. Mặc dù tâm hồn nàng được xá tội nhưng lịch sử vẫn nghiêm khắc phán xét nàng, và từ lỗi lầm của nàng mà nhắc nhở con cháu, trai – gái các thế hệ muôn đời sau bài học cảnh giác với kẻ thù, mối quan hệ giữa cái chung – cái riêng, giữa tình nhà – nợ nước.
- Trọng Thủy cũng đã nhận ra sai lầm của mình: những tưởng vừa thực hiện được yêu cầu của cha vừa giữ được tình yêu. Nhưng hạnh phúc tình yêu không thể tồn tại song song cùng chiến tranh xâm lược. Khi ôm xác Mị Châu không đầu bên bờ biển, Trọng Thủy mới ý thức được tất cả mất mát và tình yêu mà hắn đã dành cho vợ. Hành động lao đầu xuống giếng mà chết là một tất yếu, một kết cục không thể khác. Hắn chết vì khủng hoảng trong nhận thức và tình cảm.
- Vì thế, nếu hình ảnh ngọc trai - giếng nước tượng trưng cho sự gặp lại của hai người ở kiếp sau chứng tỏ những mâu thuẫn trong lòng Trọng Thủy, những đau đớn, ân hận, tội lỗi của y đã được Mị Châu ghi nhận và tha thứ ở thế giới bên kia. Chi tiết ngọc trai đem rửa trong nước giếng lại càng sáng đẹp hơn nói lên rằng chứng tỏ nàng đã gột sạch được tội lỗi. Hình ảnh ngọc trai - giếng nước chắc chắn đó không phải là biểu tượng của mối tình thủy chung mà chỉ là hình ảnh một mối oan tình được hoá giải.
- Nghệ thuật khắc họa: sử dụng motif hóa thân kỳ ảo rất quen thuộc trong các truyền thuyết; nghệ thuật xây dựng nhân vật vừa gắn với cốt lõi sự thật lịch sử vừa có yếu tố hư cấu; các chi tiết nghệ thuật, ngôn ngữ, hành động được chọn lọc.

+ Đánh giá ý kiến:

- Hình ảnh ngọc trai - giếng nước chắc chắn đó không phải là biểu tượng của tình yêu chung thủy giữa Mị Châu và Trọng Thủy. Nhân dân ta không có ý định sáng tạo nghệ thuật để ca ngợi tình yêu chung thủy, son sắt, vượt qua những thù hận của hai nước giữa Mị Châu và Trọng Thủy; lại càng không có ý định ca ngợi những kẻ vô tình hay hữu ý đã làm mất nước.
- Hình ảnh ngọc trai - giếng nước là hình ảnh một mối oan tình được hoá giải, là sự thể hiện tập trung nhất nhận thức về lịch sử, nói lên truyền thống ứng xử bao dung, đầy nhân hậu của nhân dân đối với nhân vật trong truyện.

- **Kết bài:** Khẳng định ý nghĩa giáo dục của hình ảnh ngọc trai - giếng nước đối với con người mọi thế hệ.

7. Đề thi giữa HK1 Môn Ngữ Văn 10 số 7

TRƯỜNG THPT LÝ THÁI TÔ

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 10

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC – HIỂU (3.0 điểm): Đọc đoạn thơ và thực hiện các yêu cầu:

- Con yêu mẹ bằng ông trời

Rộng lắm không bao giờ hết

- Thế thì làm sao con biết

Là trời ở những đâu đâu

Trời rất rộng lại rất cao

Mẹ mong, bao giờ con tới!

- Con yêu mẹ bằng Hà Nội

Để nhớ mẹ con đi tìm

Từ phố này đến phố kia

Con sẽ gặp ngay được mẹ

- Hà Nội còn là rộng quá

Các đường như nhện giăng tơ

Nào những phố này phố kia

Gặp mẹ làm sao gặp hết [...]

Tính mẹ cứ hay là nhớ

Lúc nào cũng muốn bên con

Nếu có cái gì gần hơn

Con yêu mẹ bằng cái đó

- À mẹ ơi có con đế

Luôn trong bao diêm con đây

Mở ra là con thấy ngay

Con yêu mẹ bằng con đế!

(Con yêu mẹ - Xuân Quỳnh)

Câu 1. (0.5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. (0.75 điểm): Đoạn thơ thể hiện những so sánh hồn nhiên của đứa trẻ. Chỉ ra những so sánh đó.

Câu 3. (0.75 điểm): Anh/chị nhận thấy những vẻ đẹp gì ở người con trong đoạn văn bản?

Câu 4. (1.0 điểm): Viết đoạn văn (khoảng 10 dòng) về giá trị của tình mẫu tử trong đời sống mỗi con người.

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Bằng sự tưởng tượng của mình, anh/chị hãy hóa thân vào nhân vật Rùa Vàng kể lại theo ngôi thứ nhất hai lần gặp An Dương Vương trên đất Âu Lạc. Từ đó, nhận xét về vai trò của những yếu tố tưởng tượng, hư cấu trong truyền thuyết.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 7

MÔN: NGỮ VĂN 10

I. ĐỌC – HIỂU

Câu 1: Phương thức biểu cảm.

Câu 2: Những so sánh hồn nhiên của đứa trẻ: tình yêu mẹ bằng/(như) ông trời... Hà Nội... con đế.

Câu 3: Người con trong đoạn thơ đã thể hiện vẻ đẹp trong suy nghĩ và tình cảm:

- Suy nghĩ đặc biệt khi thể hiện tình cảm dành cho mẹ: chọn những điều to lớn nhất để so sánh vì những thứ nhỏ bé (trong suy nghĩ của con) không thể bao chứa hết tình cảm dành cho mẹ, song những điều đó lớn quá thì cũng khó đạt tới vì thế cậu bé chỉ muốn lúc nào cũng ở bên mẹ nên so sánh ngộ nghĩnh cuối bài “con yêu mẹ bằng con đế”.

- Tình cảm cao quý, trong sáng, hồn nhiên qua cái nhìn trẻ thơ, qua cách diễn đạt đơn giản, dễ hiểu mà đi sâu vào lòng người.

Câu 4: Học sinh có thể có những suy nghĩ riêng song cần kiến giải hợp lý. Có thể tham khảo các ý sau:

- Tình mẫu tử (cùng tình phụ tử) là tình cảm đẹp, thiêng liêng nhất trong cuộc đời mỗi con người.

- Là tình cảm đầu tiên con người được tiếp xúc, đi cùng đến hết cuộc đời, giúp con người vượt qua những trở ngại cuộc sống, khơi dậy những giá trị cao cả, giúp con người trưởng thành.

- Biết và thấu hiểu tình mẫu tử giúp con người sống tốt, có ý nghĩa.

II. LÀM VĂN

- Bài viết đảm bảo đúng trọng tâm yêu cầu đề, xác định đúng ngôi tự sự (ngôi thứ nhất, nhân vật Rùa Vàng tự kể). Nhận xét ngắn gọn vai trò của những yếu tố tưởng tượng, hư cấu trong truyền thuyết, kết cấu 3 phần đúng theo yêu cầu về bài viết làm văn.

- Mở bài, kết bài đúng yêu cầu đề, có sức tưởng tượng phong phú, tích cực, lời văn kể sinh động hấp dẫn.

- Đảm bảo trần thuật đủ và đúng diễn biến hai lần gặp An Dương Vương trên đất Âu Lạc của Rùa Vàng. Cụ thể:

+ Hình dung khung cảnh diễn ra sự việc, thời gian và không gian của cuộc gặp gỡ giữa Rùa Vàng và An Dương Vương.

+ Tái hiện diễn biến các sự việc và các chi tiết tiêu biểu: Rùa Vàng xuất hiện từ phương đông như lời báo của cụ già, được An Dương Vương đón vào thành, giúp nhà vua xây

thành, cho vượt làm lấy nỗ thần. Rùa Vàng hiện ra sau lời cầu cứu của An Dương Vương, chỉ Mị Châu là giặc, đưa nhà vua đi xuống biển.

+ Chọn cách kể phù hợp nhất:

- Nhập thân vào Rùa Vàng, kể ở ngôi thứ nhất, xưng “tôi” hoặc “ta”.
- Tưởng tượng những yếu tố hư cấu phù hợp với câu chuyện và chủ đề của truyện.
- Lời kể phải tự nhiên, có yếu tố biểu cảm, được thể hiện qua cách miêu tả nhân vật, cảnh vật...qua cách lồng cảm xúc, ý nghĩ của người kể (như suy nghĩ của Rùa Vàng khi thét lớn kết tội Mị Châu...)

+ Nhận xét vai trò của những yếu tố tưởng tượng, hư cấu trong truyền thuyết:

- Thiêng hóa sự kiện và nhân vật lịch sử.
- Khiến truyền thuyết sinh động, hấp dẫn.
- Góp phần lí giải, tô đậm lịch sử theo mong muốn của nhân dân.

- Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chính tả ngữ pháp của câu, ngữ nghĩa tiếng Việt.

- Sáng tạo: có cách diễn đạt độc đáo; suy nghĩ, kiến giải mới mẻ về nội dung hoặc nghệ thuật đoạn trích.

8. Đề thi giữa HK1 Môn Ngữ Văn 10 số 8

TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

ĐỀ THI GIỮA HK1

NĂM HỌC: 2020 – 2021

MÔN: NGỮ VĂN 10

Thời gian làm bài: 90 phút

Câu 1. (3.0 điểm): Xác định biện pháp tu từ, nêu tác dụng và nội dung chính của bài ca dao sau:

Ai ơi chớ bỏ ruộng hoang

Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu.

Câu 2. (7.0 điểm): Kể về một kỉ niệm thời học sinh để lại cho anh (chị) ấn tượng sâu sắc nhất.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 8

MÔN: NGỮ VĂN 10

Câu 1:

- Biện pháp tu từ: So sánh.

+ Đối tượng được so sánh: Tấc đất.

+ Đối tượng để so sánh: Tấc vàng.

+ Từ so sánh: bao nhiêu - bấy nhiêu.

=> Tác dụng: Nhấn mạnh sự quý giá của đất: đất quý như vàng.

- Nội dung: Khuyên răn con người chăm chỉ lao động, không nên bỏ ruộng hoang vì đất đai quý như vàng.

Câu 2:

- **Yêu cầu chung:**

- + Đúng thể loại tự sự.
- + Đủ ý, hành văn mạch lạc, rõ ràng.
- + Có kết hợp sử dụng các biện pháp nghệ thuật, có ý thức miêu tả.

- **Yêu cầu cụ thể:**

- + Mở bài: Giới thiệu về một kỉ niệm thời học sinh để lại cho anh (chị) ấn tượng sâu sắc nhất (kỉ niệm về thầy cô, bạn bè, mái trường,...). Cảm xúc, ấn tượng chung.
- + Thân bài: Giới thiệu những sự việc, chi tiết chính theo diễn biến câu chuyện.
- + Kết bài: Kết thúc câu chuyện (nêu cảm nghĩ, rút ra bài học cho bản thân,...).

9. Đề thi giữa HK1 Môn Ngữ Văn 10 số 9

TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

**ĐỀ THI GIỮA HK1
NĂM HỌC: 2020 – 2021
MÔN: NGỮ VĂN 10**

Thời gian làm bài: 90 phút

Câu 1. (3.0 điểm): Xác định biện pháp tu từ, nêu tác dụng và nội dung chính của bài ca dao sau:

Trâu ơi ta bảo trâu này
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.

Câu 2. (7.0 điểm): Kể lại một việc làm ý nghĩa mà anh (chị) đã làm được.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 9 MÔN: NGỮ VĂN 10

Câu 1:

- Biện pháp tu từ: Nhân hóa: Trâu ơi, bảo.

=> Tác dụng: Biến con trâu giống như con người có thể trò chuyện với nhà nông.

- Nội dung: Tình cảm gắn bó, thân thiết giữa người nông dân và con trâu. Con trâu được xem như người bạn của nhà nông.

Câu 2:

- Yêu cầu chung:

- + Đúng thể loại tự sự.
- + Đủ ý, hành văn mạch lạc, rõ ràng.
- + Có kết hợp sử dụng các biện pháp nghệ thuật, có ý thức miêu tả.

- Yêu cầu cụ thể:

- + Mở bài: Giới thiệu về một việc làm ý nghĩa mà em đã làm được (giúp đỡ người khác, bảo vệ môi trường, chăm sóc người bệnh,...). Cảm xúc, ấn tượng chung.
- + Thân bài: Giới thiệu những sự việc, chi tiết chính theo diễn biến câu chuyện.
- + Kết bài: Kết thúc câu chuyện (nêu cảm nghĩ, rút ra bài học cho bản thân,...).

10. Đề thi giữa HK1 Môn Ngữ Văn 10 số 10

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN

ĐỀ THI GIỮA HK1
NĂM HỌC: 2020 – 2021
MÔN: NGỮ VĂN 10
Thời gian làm bài: 90 phút

Câu 1. (3.0 điểm): Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi:

Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín.

- Xác định biện pháp tu từ của đoạn trích trên và nêu tác dụng.
- Nêu nội dung chính của đoạn trích.

Câu 2. (7.0 điểm): Anh (Chị) hãy kể lại một chuyến đi để lại cho bản thân nhiều trải nghiệm.

HƯỚNG DẪN GIẢI ĐỀ THI GIỮA HK1 SỐ 10 MÔN: NGỮ VĂN 10

Câu 1:

- Biện pháp tu từ của đoạn trích trên và nêu tác dụng: Nhân hóa -> làm cho đoạn văn cụ thể, sinh động, gợi cảm.
- Nêu nội dung chính của đoạn trích: Vai trò của cây tre đối với nhân dân Việt nam trong thời kì chống giặc ngoại xâm.

Câu 2:

- Yêu cầu về hình thức: Làm đúng kiểu bài tự sự. Khi viết bài, người viết có thể vận dụng nhiều thao tác như kể, miêu tả, nêu cảm nghĩ...
 - Yêu cầu về kiến thức: Học sinh trình bày bài làm theo nhiều cách khác nhau nhưng phải đảm bảo nội dung của từng phần:
- + Mở bài: giới thiệu về câu chuyện (hoàn cảnh, thời gian, nhân vật...).
 - + Thân bài: những sự việc, chi tiết chính theo diễn biến câu chuyện.
 - + Kết bài: kết thúc câu chuyện (có thể nêu cảm nghĩ của nhân vật, hoặc một chi tiết thật đặc sắc, ý nghĩa).